

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày 12-8-2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Nguyễn Thị Đài Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1970 và ông Lê Quốc D, sinh năm 1970; cùng địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (Cùng có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1974; cùng địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (Cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2019, bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T có đến nhà ông bà để vay số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích để cho

người khác vay tiền lại. Ngay sau khi nhận tiền, bà H viết nội dung vay tiền, bà H ông T ký tên và viết họ tên đồng thời ông bà ký tên và viết họ tên Người Cho mượn Tiền vào tờ giấy viết tay có nội dung:

“Chồng Nguyễn Quang T 1974

Vợ Nguyễn Thị Thúy H 1981

Vợ chồng Tôi có mượn của anh chị V, anh Dũng Số Tiền 300.000.000^d

(ba TRăm Triệu đồng)

Hôm Nay 16/6/2019”.

Hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/ tháng, không hẹn thời hạn trả nợ, khi nào ông bà cần thì báo trước cho bà H, ông T thời hạn 01 tháng. Ông bà có đòi nhiều lần, đến tháng 12 năm 2019, ông bà yêu cầu trả 300.000.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi, bà H hẹn tháng 01 năm 2020 nhưng vẫn không trả.

Lần vay tiền trên giấy nợ chỉ lập 01 bản do ông bà giữ, không người làm chứng, không công chứng, chứng thực.

Từ ngày vay tiền đến nay, bà H và ông T chưa trả nợ gốc, chưa trả tiền lãi cho ông bà.

Ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa ông bà yêu cầu tính tiền lãi 20%/năm từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Bà thừa nhận ngày 16-6-2019, bà và ông Nguyễn Quang T có vay của bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Quốc D số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/ tháng, không hẹn thời hạn trả nợ, có thỏa thuận bằng lời nói: Khi nào ông D bà V cần thì báo trước cho bà và ông T thời hạn 01 tháng. Bà và ông T chưa trả nợ gốc cho bà V và ông D, bà có trả cho bà V và ông D tiền lãi 3%/ tháng từ ngày vay tiền đến tháng 12 năm 2019. Việc trả tiền lãi không lập văn bản, không người chứng kiến.

Tháng 12 năm 2019, ông D bà V đòi bà và ông T số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi. Bà hẹn tháng 01 năm 2020 trả cho bà V, ông D mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng nhưng đến ngày hẹn, bà và ông T không trả tiền cho bà V, ông D.

Bà đồng ý cùng ông T trả cho bà V ông D số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc, xin không trả tiền lãi, trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Quang T từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo thụ lý, gửi giấy triệu tập và tổng đạt thông báo phiên họp, phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Quang T không tham gia tố tụng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Các đương sự nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Quang T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do, gây khó khăn làm vụ án giải quyết kéo dài thời gian.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Kim V, ông Lê Quốc D đối với bà Nguyễn Thị Thúy H, ông Nguyễn Quang T. Buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà V, ông D 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Bà H, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà V và ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà V và ông D yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi 20%/ năm từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu của bà V, ông D yêu cầu bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, và yêu cầu trả tiền lãi 20%/ năm. Ông T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà V, ông D. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Thừa nhận việc bà H, ông T có vay của bà V, ông D số tiền 300.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền 300.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng và không trả tiền lãi.

Do đó, có căn cứ khẳng định bà H, ông T có vay của bà V, ông D số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 16-6-2019 như bà V, ông D đã trình bày. Do đó, bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà V, ông D là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy giấy vay tiền do bà H, ông T ký tên không ghi lãi suất nhưng khi giao nhận tiền vay, các đương sự thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, bà H trình bày có trả tiền lãi 3%/ tháng cho bà V, ông D từ ngày vay tiền đến tháng 12 năm 2019, bà V và ông D không thừa nhận bà H có trả tiền lãi cho bà V, ông D, bà H không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà H.

Đây là trường hợp vay có kỳ hạn, có lãi suất nhưng mức lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật nên lãi suất theo thỏa thuận giữa bà V, ông D với bà H, ông T không có hiệu lực. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chiết tính tiền lãi như sau:

Từ ngày 16-6-2019 đến ngày 12-8-2020 là 01 năm 01 tháng 27 ngày.

$300.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 69.499.999 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền bà H và ông T phải trả cho bà V và ông D là:

$300.000.000 \text{ đồng} + 69.499.999 \text{ đồng} = 369.499.999 \text{ đồng}.$

Làm tròn số là 369.500.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà H trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, bà V và ông D không đồng ý nên yêu cầu của bà H không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà V và ông D. Buộc bà H và ông T có nghĩa vụ trả cho bà V và ông D số tiền 369.500.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Quốc D “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T. Buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà V, ông D số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Quốc D “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Quốc D số tiền 369.500.000 (ba trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi 69.500.000 đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim V và ông Lê Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.875.000 (tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018128 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Nguyễn Quang T phải chịu 18.475.000 (mười tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Báo cho bà V và ông D biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện

